



HÒA GIẢI CÁC VỤ VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH

Lê Thị Thìn^{1*}, Hồ Thị Vân Anh²

¹Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, Huế, Việt Nam

²Trường Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Vĩnh Phúc

* Tác giả liên hệ: **Lê Thị Thìn** < thintl@hul.edu.vn >

(Ngày nhận bài: 27-02-2023; Ngày chấp nhận đăng: 29-06-2023)

Tóm tắt. Những năm gần đây, các vụ việc phát sinh tại Tòa án trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình có xu hướng ngày càng tăng và có tính chất ngày càng phức tạp. Trong quá trình giải quyết, Tòa án áp dụng thủ tục hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án hoặc hòa giải theo thủ tục tố tụng dân sự đã mang lại hiệu quả cao, nhiều vụ việc hôn nhân và gia đình được hòa giải thành, trong trường hợp không hòa giải thành cũng đã tạo điều kiện cho các bên hiểu nhau hơn và Tòa án tiến hành giải quyết gặp nhiều thuận lợi. Bên cạnh những hiệu quả mang lại thì công tác hòa giải đối với các vụ việc hôn nhân và gia đình còn gặp một số hạn chế. Trong phạm vi bài viết này, bằng việc sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp so sánh và phương pháp phân tích hệ thống các quy định của pháp luật, nhóm tác giả hướng tới nghiên cứu một cách tổng quát các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động hòa giải trong quá trình giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình như: Các vụ việc hôn nhân gia đình không được hòa giải, không hòa giải được; chủ thể tiến hành hòa giải, nội dung hòa giải;... Trên cơ sở đó, đánh giá và chỉ ra được những bất cập, hạn chế còn gặp phải trong quá trình áp dụng quy định về hòa giải để từ đó đề xuất một số kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về hòa giải trong giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình.

Từ khóa: Hoàn thiện, hòa giải, vụ việc hôn nhân và gia đình

MEDIATION IN MARRIAGE AND FAMILY DISPUTES UNDER THE CURRENT LAW

Le Thi Thin, Ho Thi Van Anh

University of Law, Hue University, 34 Le Loi St., Hue, Vietnam,

*Correspondence to **Le Thi Thin** <thinlt@hul.edu.vn >

(Received: Februar 27, 2023; Accepted: June 29, 2023)

Abstract. In recent years, the number and complexity of matters involving marriage and families that come before the Court have tended to rise. During the settlement, the Court has brought high efficiency by using mediation procedures according to the Law on Mediation and Dialogue at the Court, or mediation according to civil proceedings: many marriage and family cases have been successfully mediated; in cases of unsuccessful mediation, it has also created conditions for the parties to better understand each other, which favors the Court when handling the case. However, besides the benefits, the work of mediation in marriage and family cases also faces some limitations. Within the scope of this article, by using historical research methods, comparative methods and systematic analysis methods of legal provisions, the authors aim to study in general the provisions of law. Vietnamese law on mediation activities in the process of settling marriage and family cases such as: Unreconcilable or unreconcilable marriage and family cases; the subject conducting the mediation, the content of the mediation; ... On that basis, evaluate and point out the shortcomings and limitations still encountered in the process of applying the provisions on mediation in order to propose some recommendations to improve the law on mediation in settlement marriage and family cases.

Keywords: perfection, mediation, marriage and family disputes

1. Hòa giải theo quy định của pháp luật Việt Nam

Bản chất của hòa giải được xác định: *“Hòa giải là một biện pháp giải quyết tranh chấp, với sự giúp đỡ của bên thứ ba độc lập, giữ vai trò trung gian, các bên tranh chấp tự nguyện giải quyết tranh chấp phù hợp với quy định của pháp luật, truyền thống đạo đức xã hội”* [1, Tr. 109]. Hòa giải là một phương thức giải quyết tranh chấp được thừa nhận rộng rãi trong thực tiễn đời sống xã hội và là một phương thức giải quyết tranh chấp đạt hiệu quả cao của các cơ quan tài phán. Dựa vào chủ thể tiến hành, hòa giải có thể chia thành: Hòa giải trong tố tụng và hòa giải ngoài tố tụng. Hòa giải trong tố tụng là hòa giải được tiến hành bởi bên thứ ba là Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hòa giải ngoài tố tụng sẽ được tiến hành bởi bên thứ ba trung lập với các bên tranh chấp và do các bên tranh chấp lựa chọn người trực tiếp tiến hành hòa giải. Nếu như thương lượng là trường hợp các bên tranh chấp tự thương lượng thì hòa giải có sự xuất hiện của bên thứ ba đóng vai trò làm cán cân trung gian nhằm giúp các bên đi đến thống nhất cách thức giải quyết các mâu thuẫn của mình. Theo đó, các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về phương thức giải quyết các vụ việc. *“Hòa giải vừa thể hiện được nguyên tắc quyết định, tự định đoạt của đương sự vừa thể hiện thiện chí của các bên muốn tự mình giải quyết các vụ án mà không cần tới sự can thiệp của Tòa án”* [2, Tr. 27]. Bên cạnh đó, trong chương XIII: *“Thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử”*, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề cập: Với tư cách là một thủ tục trong tố tụng dân sự, hòa giải được Tòa án tiến hành trong các giai đoạn tố tụng [4]. Tuy nhiên, không phải trường hợp tranh chấp nào cũng đều phải tiến hành thủ tục hòa giải. Theo đó, tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 [BLTTDS năm 2015] quy định về các trường hợp không được hòa giải (cấm tiến hành thủ tục hòa giải), Điều 207 quy định các trường hợp không hòa giải được và trong trường hợp vụ việc áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết.

2. Hòa giải các vụ việc hôn nhân và gia đình theo pháp luật hiện hành

2.1. Sơ lược pháp luật về hòa giải trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình theo pháp luật Việt Nam

Dưới góc nhìn xã hội học thì gia đình thuộc về phạm trù cộng đồng xã hội. Vì vậy, có thể xem xét gia đình như một nhóm xã hội nhỏ; dưới góc nhìn pháp luật, gia đình là: *“tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau”*... [7, Khoản 2 Điều 3]. Có thể nói: Gia đình là tế bào của xã hội và mối quan hệ giữa các chủ thể trong gia đình có những đặc thù riêng. Một *“tế bào”* không khỏe mạnh dễ dàng kéo theo một xã hội không khỏe mạnh. Chính vì vậy, khi các mâu thuẫn

trong gia đình phát sinh, các chủ thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên hiểu nhau hơn và tìm ra được phương thức giải quyết tốt nhất là giải pháp được Nhà nước và pháp luật ưu tiên hàng đầu.

Phương thức hòa giải đã được Nhà nước chú trọng và khuyến khích áp dụng trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình ngay từ khi ban hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 (Luật HN&GD) – Luật Hôn nhân và Gia đình đầu tiên kể từ sau cách mạng Tháng 8 năm 1945. Theo đó, ly hôn chia làm hai trường hợp: Thuận tình ly hôn hoặc đơn phương ly hôn. Nếu thuận tình ly hôn thì sau khi điều tra, xét thấy các bên tự nguyện thì Tòa án nhân dân sẽ cho công nhận thuận tình ly hôn. Trong trường hợp đơn phương ly hôn thì: *“Cơ quan có thẩm quyền sẽ điều tra và hoà giải. Hoà giải không được, Tòa án nhân dân sẽ xét xử”* [5, Điều 26]. Có thể hiểu, với quy định này, khi một trong các bên vợ, chồng tranh chấp và xin ly hôn thì cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành điều tra và tiến hành thủ tục hòa giải, nếu hòa giải không được thì khi đó Tòa án mới xét xử. Những quy định trên cho thấy ngay từ thuở đầu, hòa giải là một phương thức giải quyết được áp dụng mang tính chất bắt buộc trước khi Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn. Quy định này dẫn đến việc hạn chế việc “tùy tiện” ly hôn giữa các cặp vợ chồng, đồng thời khuyến khích các bên thương lượng, thỏa thuận nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng thông qua thủ tục hòa giải bắt buộc. Khi Luật HN&GD năm 2000 cũng như Luật HN&GD năm 2014 ra đời cho đến nay, thủ tục hòa giải không còn là một thủ tục bắt buộc tiền tố tụng nữa, thay vào đó Nhà nước khuyến khích hòa giải ngoài tố tụng [6, Điều 85], [7, Điều 52]. Khi Tòa án giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình thì hòa giải là một thủ tục bắt buộc được tiến hành và áp dụng theo quy định chung [3, Điều 10], [4, Điều 10]. Như vậy, hòa giải trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình có thể được tiến hành trong tố tụng hoặc ngoài tố tụng.

2.2. *Bắt cập của pháp luật về hòa giải các vụ việc hôn nhân và gia đình*

Một là, các vụ việc hôn nhân và gia đình không được hòa giải, không hòa giải được. Hòa giải tuy được khuyến khích tiến hành nhưng không phải tất cả các yêu cầu, tranh chấp của các chủ thể đều được tiến hành hòa giải. Theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 3 của Luật hoà giải cơ sở (HGCS) năm 2013 quy định về các vi phạm pháp luật hôn nhân và gia đình không được hòa giải và Điều 19 Luật hoà giải, đối thoại (HGĐT) tại Tòa án quy định về các trường hợp không tiến hành hòa giải. Cũng theo quy định tại BLTTDS năm 2015 quy định các trường hợp không được hòa giải hoặc không hòa giải được. Theo đó, Điều 206 quy định về các trường hợp cấm tiến hành thủ tục hòa giải, điều này có nghĩa là nếu như các tranh chấp ly hôn trái

pháp luật, trái đạo đức xã hội thì sẽ không được hòa giải. Điều 207 quy định các trường hợp không hòa giải được, không hòa giải được là trường hợp phải tiến hành thủ tục hòa giải, tuy nhiên, do điều kiện khách quan hoặc chủ quan mà thủ tục hòa giải không thể tiến hành được. Từ những nội dung trên cho thấy các văn bản chưa có sự đồng bộ khi quy định các trường hợp không hòa giải. Luật HGCS chỉ quy định không hòa giải đối với các vi phạm về hôn nhân và gia đình trong khi Luật HGĐT tại Tòa án và BLTTDS năm 2015 lại quy định cụ thể trong đó có trường hợp không hòa giải đối với trường hợp *“một bên vợ hoặc chồng trong tranh chấp ly hôn là người mất năng lực hành vi dân sự”*.

Hai là, chủ thể tiến hành hòa giải. Chủ thể tiến hành hòa giải là bên thứ ba đóng vai trò trung gian, không có người này thì không thể gọi là hòa giải. Bên cạnh các tiêu chí về Hòa giải viên, thì để trở thành chủ thể tiến hành hòa giải, mỗi văn bản luật có một số tiêu chí riêng biệt. Theo đó, Luật HGCS đã quy định về điều kiện mời hòa giải viên, Hòa giải viên là người được bầu vào danh sách Hòa giải viên. Dưới sự chủ trì của Trường ban công tác Mặt trận phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổ chức bầu hòa giải viên ở thôn, tổ dân phố bằng một trong các hình thức: Biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp đại diện các hộ gia đình; phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình. Luật HGĐT quy định chức danh Hòa giải viên do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét, bổ nhiệm. Bộ luật TTDS năm 2015 quy định trách nhiệm tiến hành hòa giải thuộc về Thẩm phán được Tòa án phân công giải quyết. Những quy định này chỉ mang tính chất chung chung mà không có quy định cụ thể nào thể hiện vai trò của hòa giải viên trong lĩnh vực hôn nhân gia đình với các tiêu chí đặc thù.

Ba là, nội dung tiến hành hòa giải. Điều 28 và Điều 29 của BLTTDS năm 2015 quy định về các vụ việc hôn nhân và gia đình. Theo đó, khi giải quyết các quan hệ này, thông thường Tòa án cần giải quyết các yêu cầu về: Quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng, con (nếu có) và tài sản (nếu có). Trong trường hợp thuận tình ly hôn, là khi hai bên vợ chồng đã đồng thuận được với nhau về việc chia tài sản, việc trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con. Khi tiến hành hòa giải trường hợp này, người tiến hành hòa giải cần hòa giải cả ba nội dung trên. Tuy nhiên, khi hòa giải một vụ án tranh chấp về ly hôn, trên cơ sở nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự Tòa án chỉ tiến hành giải quyết các nội dung mà đương sự có tranh chấp, các nội dung các đương sự đã tự thỏa thuận hoặc không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Tòa án không tiến hành giải quyết [4, Điều 5]. Điều này đồng nghĩa với việc Hòa giải viên hoặc Thẩm phán khi tiến hành hòa giải chỉ hòa giải những nội dung mà các bên yêu cầu. Quy định này đảm bảo tính thống nhất trong pháp luật nhưng lại không triệt để khi tiến hành hòa giải, giải quyết các vụ án hôn nhân và gia đình.

Ví dụ: Anh A và chị B kết hôn hợp pháp vào năm 2015. Anh chị có hai con chung là C (sinh năm 2016) và D (sinh năm 2018). Về tài sản, vợ chồng anh A không có tài sản chung và họ đang chung sống với với cha mẹ vợ. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đến tháng 02 năm 2022, chị B nộp đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu cho ly hôn. Về con chung anh A và chị B đã thỏa thuận: Chị B nuôi cháu C, anh A nuôi cháu D. Tài sản không yêu cầu Tòa án chia do không có tài sản chung. Sau khi tiến hành thủ tục hòa giải nhưng không thành, Tòa án chấp nhận nội dung khởi kiện của chị B. Tuy nhiên, sau khi bản án có hiệu lực, anh B mang cháu D đi làm ăn xa và phải ở trọ. Nhận thấy, anh B không đủ điều kiện nuôi và chăm sóc, dành thời gian cho cháu D trong khi chị B đã có nhà ở và công việc, thu nhập ổn định. Chị B tiếp tục làm đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, yêu cầu này của chị B, anh A không đồng ý, hai bên phát sinh tranh chấp.

Tình huống trên cho thấy, do khi giải quyết, Tòa án chỉ giải quyết theo nội dung yêu cầu của các đương sự nên các nội dung có liên quan không được thỏa thuận, hòa giải. Chính vì vậy, khi các nội dung có liên quan không được hòa giải thông qua quá trình giải thích, phân tích của người hòa giải thì sau này có thể các bên sẽ phát sinh tranh chấp và tính chất có thể phức tạp hơn. Quy định trên đã không giải quyết được dứt điểm vấn đề.

Bốn là, địa điểm tiến hành hòa giải. Địa điểm tiến hành hòa giải được quy định ở các văn bản luật không giống nhau. Theo đó, Điều 20 Luật HGCS quy định: “*Địa điểm hòa giải là nơi xảy ra vụ, việc hoặc nơi do các bên hoặc hòa giải viên lựa chọn, bảo đảm thuận lợi cho các bên*”. Quy định này cho thấy về địa điểm hòa giải không bị giới hạn, miễn là các bên thuận lợi trong việc tham gia hòa giải. Đến khi Luật HGĐT tại Tòa án ra đời, thì địa điểm hòa giải được tiến hành tại trụ sở của Tòa án hoặc có thể ngoài trụ sở của Tòa án do các bên lựa chọn. Mặc dù “hòa giải tại Tòa án”, tuy nhiên, vẫn có thể tiến hành ngoài trụ sở của Tòa án theo sự lựa chọn của các bên. Bên cạnh đó, BLTTDS năm 2015 quy định về địa điểm hòa giải trong quá trình giải quyết các vụ việc dân sự là tại trụ sở của Tòa án. Quy định về địa điểm tiến hành hòa giải như trên cho thấy hòa giải được tiến hành bằng phương thức trực tiếp tại địa điểm hòa giải. Trên thực tế giải quyết các vụ việc dân sự nói chung và hôn nhân và gia đình nói riêng, vì các lý do chính đáng hoặc do bất khả kháng, một trong các bên không thể tham gia trực tiếp tại trụ sở của nơi tổ chức hòa giải mặc dù nội dung tranh chấp cần phải tiến hành hòa giải và các đương sự mong muốn tiến hành hòa giải, nhưng vì không thể có mặt tại địa điểm hòa giải dẫn đến vụ việc đó rơi vào trường hợp “không hòa giải được”. Luật HGCS đã có tiến bộ hơn khi quy định: “*Phiên hòa giải, đôi thoại*”

có thể được thực hiện bằng hình thức trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác theo đề nghị của các bên". Cách thức tiến hành hòa giải có thể được linh động hơn. Tuy nhiên, quy định này cũng chỉ chung chung mà không có hướng dẫn cụ thể. Nhóm tác giả cho rằng, việc ấn định địa điểm hòa giải như trên là một hạn chế trong xu thế phát triển của xã hội hiện nay. Bởi lẽ, nhiều đương sự do tính chất công việc làm ăn nên không thường xuyên cư trú ổn định tại một địa danh và có những trường hợp đương sự ở các tỉnh thành khác nhau trong nước hay cả ở nước ngoài. Khoảng cách địa lý và điều kiện kinh tế đã không cho phép họ di chuyển nhiều lần để tham gia hòa giải. Trong khi họ có nguyện vọng hòa giải hoặc hòa giải có thể là giải pháp ưu việt trong mối quan hệ pháp lý đó. Chính vì vậy, trường hợp này sẽ rơi vào một trong các trường hợp "không hòa giải được".

Năm là, tính bí mật thông tin về hôn nhân và gia đình. Các nội dung trong mối quan hệ hôn nhân và gia đình thông thường nhạy cảm vì nó gắn với quan hệ thân thân của mỗi thành viên trong gia đình và của cả gia đình. Chính vì vậy, khi giải quyết các vụ việc dân sự, thông thường các đương sự sẽ khó mở lời đối với các vấn đề riêng tư. Điều này dẫn đến công tác hòa giải gặp khó khăn. Trong khi Luật HGCS thông thường được tiến hành bởi tổ hòa giải – nhiều thành viên; Luật tố tụng dân sự thì xét xử công khai (hòa giải cũng công khai). Riêng Luật HGĐT quy định nguyên tắc "bí mật thông tin". Những quy định trên cho thấy, bí mật thông tin về Hôn nhân và Gia đình có thể không được bảo vệ và các chủ thể tham gia hòa giải sẽ hạn chế chia sẻ thông tin, điều này dẫn đến khó khăn cho công tác hòa giải và không hòa giải được dứt điểm vấn đề.

Sáu là, yêu cầu về kỹ năng hòa giải của người tiến hành hòa giải đối với các vụ việc hôn nhân và gia đình. Hòa giải, suy cho cùng là mong muốn đạt được kết quả thành nhằm hàn gắn, kết nối giữa các bên tranh chấp và đi đến giải quyết vấn đề mà ở trong mối quan hệ đó "ai cũng thắng". Chính vì vậy, kỹ năng, nghiệp vụ của người tiến hành hòa giải rất quan trọng. Bất kỳ một quan hệ pháp lý nào cũng có những khó khăn nhất định, riêng đối với quan hệ hôn nhân và gia đình lại càng phức tạp hơn. Luật HGCS không quy định một trong các Hòa giải viên phải là người đang hoạt động trong Hội liên hiệp phụ nữ tại địa phương, Luật HGĐT không quy định Hòa giải viên phải có kỹ năng về hòa giải hôn nhân gia đình. Quy định này đã góp phần làm cho phương thức hòa giải ngoài tố tụng đối với các tranh chấp hôn nhân và gia đình gặp không ít khó khăn và các bên tranh chấp thường "không hào hứng" khi hòa giải.

Bảy là, kết quả hòa giải. Sau khi tiến hành hòa giải sẽ cho ra kết quả: hòa giải thành hoặc hòa giải không thành. Đối với hòa giải không thành thì các bên chủ thể có quyền khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu Tòa án áp dụng thủ tục chung để giải quyết (đối với thủ tục hòa giải ngoài tố tụng). Trong trường hợp hòa giải theo BLTTDS thì Tòa án sẽ ban hành quyết định đưa vụ án ra

xét xử. Đối với hòa giải thành, nếu áp dụng thủ tục hòa giải ngoài tố tụng thì đương sự có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền công nhận kết quả hòa giải thành và các bên phải tự nguyện thực hiện nội dung thỏa thuận, ngược lại, một trong các bên không tự nguyện thực hiện thì cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án để bảo đảm thực hiện. Khi Tòa án hòa giải thành theo thủ tục tố tụng, đương sự có thời hạn suy nghĩ về nội dung đã thỏa thuận trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được kết quả hòa giải thành. Nếu một trong các đương sự có thay đổi nội dung thỏa thuận thì Tòa án sẽ ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngược lại, các bên không có ý kiến thì Tòa án sẽ ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Riêng Luật HGĐT quy định thời hạn chuẩn bị ra quyết định công nhận kết quả HGĐT là 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản và tài liệu kèm theo. Trong thời hạn 15 ngày này, Thẩm phán được Chánh án phân công xem xét ra quyết định có các quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp cho Tòa án tài liệu làm cơ sở cho việc ra quyết định, nếu xét thấy cần thiết. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Tòa án yêu cầu có trách nhiệm trả lời Tòa án trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án. Thực tế cho thấy, đối với các tài liệu đơn giản thì có thể được cung cấp trong thời gian ngắn còn những loại giấy tờ cần có thời gian đánh giá, thu thập,... mới có thể giao nộp được thì thời hạn 05 ngày là không đủ nên trên thực tế các chủ thể được yêu cầu cung cấp thường không cung cấp đúng hạn, dẫn đến Thẩm phán không đủ căn cứ để ra quyết định công nhận trong thời hạn 15 ngày như quy định. Quy định thời hạn như trên sẽ dẫn đến hệ quả là: Mặc dù các đương sự thỏa thuận được với nhau các nội dung tranh chấp, yêu cầu, hòa giải đạt được. Tuy nhiên, để đảm bảo cho kết quả hòa giải được thực thi nhằm giải quyết dứt điểm được mâu thuẫn thì phải có đủ cơ sở ban hành quyết định công nhận kết quả hòa giải.

3. Một số kiến nghị hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hòa giải các vụ việc hôn nhân và gia đình

Nghiên cứu một số quy định của pháp luật về hòa giải trên đây cho thấy một số quy định trong hoạt động hòa giải khi giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Chính vì vậy, nhóm tác giả cho rằng cần tiến hành một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật sau đây:

Thứ nhất, cần quy định đồng bộ, thống nhất phạm vi, các trường hợp và nội dung tiến hành hòa giải các vụ việc hôn nhân và gia đình ở các văn bản pháp luật. Theo đó, cần bổ sung

trường hợp không được hòa giải đối với “một bên vợ hoặc chồng trong tranh chấp ly hôn là người mất năng lực hành vi dân sự” vào Luật HGCS.

Thứ hai, khi tiến hành hòa giải các vụ án hôn nhân và gia đình, Hòa giải viên hoặc Thẩm phán có quyền tiến hành các nội dung về: Quan hệ nhân thân, quan hệ tài sản, quan hệ về con cái ngay cả khi một trong số các nội dung trên đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau. Mặc dù, không hòa giải các nội dung mà các bên không yêu cầu giải quyết thì các nội dung mà họ đã thỏa thuận ấy cũng phải được ghi nhận vào biên bản hòa giải. Quy định này sẽ góp phần giải quyết triệt để mối quan hệ hôn nhân và gia đình, làm căn cứ pháp lý cho quá trình các bên thực hiện thỏa thuận của mình.

Thứ ba, quy định về phương thức hòa giải trực tiếp tại trụ sở của Tòa án hoặc nơi các bên thỏa thuận lựa chọn, nơi Hòa giải viên lựa chọn như hiện nay là chưa thật sự khoa học và hướng tới thiện chí hòa giải khi các đương sự có mong muốn hòa giải nhưng vì lý do đặc biệt mà họ không thể trực tiếp tham gia hòa giải được để rồi rơi vào trường hợp không hòa giải được. Nên chăng, Nhà nước cần xây dựng, áp dụng phương thức hòa giải trực tuyến nhằm tạo điều kiện cho các bên có thể tham gia hòa giải và hướng tới hòa giải được áp dụng triệt để.

Thứ tư, cần bổ sung quy định về “bảo mật thông tin” ở tất cả các văn bản về hòa giải trong tố tụng, ngoài tố tụng nhằm mục đích bảo mật được thông tin về hôn nhân gia đình, các nội dung nhạy cảm khó chia sẻ. Để từ đó góp phần giúp các bên tự tin “mở lòng” chia sẻ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác hòa giải.

Thứ năm, hàng năm cần tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ hòa giải nhằm nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho người tiến hành hòa giải và cần bổ sung tiêu chí hòa giải viên là thành viên “Hội liên hiệp phụ nữ” vào thành viên tổ hòa giải cơ sở theo Luật HGCS nhằm giúp cho công tác hòa giải tại cơ sở đạt hiệu quả hơn trong khi hòa giải hôn nhân gia đình bởi kiến thức am hiểu và vai trò “Hội liên hiệp phụ nữ” trong thực tiễn đời sống.

Thứ sáu, cần quy định kéo dài thời hạn chuẩn bị ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Nhóm tác giả cho rằng, thời hạn tại khoản 2 Điều 32 Luật HGĐT nên kéo dài thêm 05 ngày (từ 15 ngày kéo dài thành 20 ngày) nhằm đảm bảo thời gian thu thập đủ chứng cứ làm cơ sở, căn cứ cho việc ban hành quyết định công nhận như đã trình bày.

4. Kết luận

Trong phạm vi bài viết, nhóm tác giả đã sơ lược lại lịch sử phát triển của hoạt động hòa giải trong lĩnh vực giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình nói riêng và tổng quan pháp luật

về hoạt động hòa giải nói chung. Từ đó có thể thấy, chính sách ưu tiên áp dụng thủ tục hòa giải của nhà nước trong quy định của pháp luật bởi những ưu điểm mà hòa giải mang lại. Để hòa giải được tiến hành hiệu quả và đạt được kết quả cao, trong quá trình giải quyết đòi hỏi thiện chí của tất cả các chủ thể tham gia; sự thống nhất về các quy phạm pháp luật. Trong các vụ việc hôn nhân và gia đình, nếu kết quả hòa giải thành sẽ mang lại hiệu quả là các bên không còn mong muốn ly hôn và rút lại yêu cầu của mình. Ngược lại, kết quả không thành thì chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền áp dụng quy định của pháp luật để tuyên xử yêu cầu ly hôn của đương sự. Vì vậy, để tránh trường hợp phải tiến hành nhiều thủ tục thì khi các tranh chấp về hôn nhân và gia đình xảy ra, các bên thông thường lựa chọn ngay Tòa án giải quyết bằng việc nộp đơn ra Tòa án và các bên dường như không nghĩ đến phương án hòa giải tại địa phương. Trong khi về mặt pháp luật, nhà nước không bắt buộc nhưng vẫn khuyến khích các bên chủ thể tiến hành hòa giải tại cơ sở. Với việc ban hành nhiều quy định pháp luật về thủ tục hòa giải, đặc biệt trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Để phát huy được hiệu quả quy định của pháp luật, pháp luật Việt Nam cần có quy định thống nhất các nội dung, tính bí mật thông tin, địa điểm tiến hành, kỹ năng, trình độ của người hòa giải,... Như vậy, cần phải đưa ra các tiêu chí, nâng cao hiệu quả và các ưu điểm của hòa giải cơ sở, nhằm khuyến khích các bên ưu tiên lựa chọn hàng đầu trước khi nộp đơn ra Tòa án.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Quảng, (2012), "Một số vấn đề về chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam", *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, Số chuyên đề Pháp luật về hòa giải, Tr.109.
2. PGS. TS. Trần Anh Tuấn, (2017), *Bình luận khoa học bộ luật tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Tr.27.
3. Quốc hội, *Bộ luật tố tụng dân sự*, năm 2004.
4. Quốc hội, *Bộ luật tố tụng dân sự*, năm 2015.
5. Quốc hội, *Luật Hôn nhân và Gia đình* năm, 1959.

6. Quốc hội, Luật Hôn nhân và Gia đình, năm 2000.
7. Quốc hội, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
8. Quốc hội, Luật Hòa giải cơ sở, năm 2013.